



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒNG  
PHONG  
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
LẠNG SƠN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**  
**Công khai hồ sơ đăng ký đất đai**

(Kèm theo thông báo niêm yết số 102/TB-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026)

| Số TT | Tên người sử dụng đất,<br>chủ sở hữu tài sản gắn<br>liền với đất | Địa chỉ thường trú          | Địa chỉ thửa đất            | Tờ<br>bản<br>đồ số | Thửa<br>đất số | Diện tích<br>đất (m <sup>2</sup> ) | Thời điểm sử<br>dụng đất | Nguồn gốc sử<br>dụng đất | Hiện trạng sử dụng đất,<br>tài sản gắn liền với đất | Thời điểm<br>tạo lập tài<br>sản gắn liền<br>với đất | Tình trạng<br>tranh chấp |
|-------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------|
| 1     | Hứa Văn Siêu                                                     | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 222                | 162            | 140,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 163            | 139,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 196            | 30,0                               | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 198            | 176,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 200            | 157,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 201            | 184,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 202            | 222,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 228            | 286,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 309            | 97,0                               | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 310            | 485,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 311            | 63,0                               | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 222                | 80             | 415,0                              | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng cây hàng năm khác                         |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 223                | 108            | 77,0                               | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 223                | 43             | 16,0                               | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |
|       |                                                                  |                             |                             | 223                | 44             | 94,0                               | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn lại                               |                                                     | Không có tranh chấp      |
| 2     | Triệu Văn Lãnh                                                   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 247                | 53             | 84,0                               | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất chuyên trồng lúa nước                           |                                                     | Không có tranh chấp      |

|   |                |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |  |                     |
|---|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
| 3 | Chu Văn Bằng   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 260 | 46  | 20,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 260 | 79  | 151,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |
| 4 | Hứa Văn Chiềng | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 222 | 278 | 58,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |
| 5 | Ma Văn Hùng    | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 221 | 115 | 123,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 221 | 140 | 24,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 221 | 216 | 22,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
| 6 | Chu Văn Vãng   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 194 | 40  | 361,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
| 7 | Lý Văn Lành    | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 239 | 24  | 72,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 239 | 45  | 55,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
| 8 | Nông Văn Tín   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 245 | 115 | 125,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 245 | 127 | 244,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 245 | 129 | 115,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 245 | 145 | 226,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 245 | 65  | 101,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 245 | 66  | 322,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 245 | 76  | 74,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 245 | 78  | 99,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 245 | 88  | 84,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 259 | 8   | 86,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 259 | 91  | 670,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 247 | 142 | 29,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|   |                |                             |                             | 260 | 12  | 196,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |

|    |              |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |  |                     |
|----|--------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
| 9  | Chu Văn Lạng | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 260 | 30  | 85,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 260 | 31  | 66,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 260 | 32  | 49,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 260 | 33  | 97,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 260 | 55  | 45,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 260 | 56  | 44,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 260 | 57  | 68,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 260 | 69  | 127,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa nước   |  | Không có tranh chấp |
| 10 | Lâm Thị Giỏi | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 272 | 100 | 286,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 101 | 29,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 102 | 19,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 108 | 15,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 110 | 82,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 131 | 59,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 90  | 28,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 92  | 13,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 96  | 49,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 97  | 39,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 98  | 39,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 272 | 99  | 41,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
| 11 | Chu Thế Học  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 193 | 35  | 65,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 185 | 3   | 204,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |

|    |               |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |  |                     |
|----|---------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
| 12 | Chu Văn Khai  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 185 | 4   | 90,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 185 | 5   | 148,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 185 | 6   | 313,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 198 | 7   | 38,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 198 | 8   | 49,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 198 | 9   | 54,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 193 | 138 | 506,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         |  | Không có tranh chấp |
| 13 | Nông Thị Thợi | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 272 | 2   | 507,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 272 | 160 | 49,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 272 | 164 | 68,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 272 | 25  | 106,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 282 | 1   | 25,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 282 | 2   | 69,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
| 14 | Ma Xuân Địch  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 221 | 64  | 177,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 221 | 65  | 49,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 204 | 100 | 36,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 204 | 101 | 256,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 204 | 107 | 557,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 204 | 113 | 107,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 204 | 114 | 67,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 204 | 115 | 36,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 204 | 117 | 93,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |

|    |                |                             |                             |     |     |           |                |                |                             |  |                     |
|----|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-----------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
| 15 | Hoàng Văn Soạn | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 204 | 120 | 84,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 121 | 147,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 123 | 56,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 124 | 42,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 125 | 63,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 133 | 66,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 88  | 25,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 89  | 39,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 90  | 44,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 92  | 51,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 93  | 72,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 96  | 85,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 204 | 98  | 177,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 222 | 92  | 37,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
| 16 | Ma Đức Chuyên  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 221 | 79  | 2.195,0 đ | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |
| 17 | Phùng Văn Nam  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 222 | 31  | 49,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |
| 18 | Hứa Văn Mạnh   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 230 | 21  | 48,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây lâu năm       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 230 | 25  | 24,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 230 | 30  | 18,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 230 | 31  | 12,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 230 | 32  | 23,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 230 | 33  | 400,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |

|    |               |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |          |                     |
|----|---------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|----------|---------------------|
|    |               |                             |                             | 230 | 68  | 22,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 230 | 8   | 187,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
| 19 | Lý Văn Chiêu  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 231 | 145 | 196,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 232 | 133 | 407,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
| 20 | Hứa Văn Nhật  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 229 | 131 | 9,0   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 229 | 134 | 30,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 230 | 63  | 43,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 230 | 82  | 32,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 230 | 83  | 127,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
| 21 | Mông Văn La   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 272 | 18  | 16,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 272 | 22  | 26,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
| 22 | Nông Văn Ứt   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 259 | 138 | 130,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 259 | 141 | 165,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 259 | 146 | 6,0   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 259 | 147 | 4,0   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
| 23 | Mông Văn Thái | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 232 | 154 | 262,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2004 | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 232 | 150 | 455,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 232 | 155 | 130,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 232 | 157 | 60,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 233 | 158 | 542,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 239 | 1   | 277,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 239 | 2   | 54,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |

|    |                |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |  |                     |
|----|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
| 24 | Long Văn Hưng  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 247 | 172 | 122,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 247 | 173 | 83,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 247 | 174 | 94,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 247 | 175 | 66,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 247 | 176 | 33,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 247 | 177 | 28,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 247 | 179 | 43,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 247 | 209 | 127,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 248 | 1   | 54,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 248 | 2   | 17,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 248 | 3   | 15,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 248 | 4   | 12,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 260 | 44  | 70,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
| 25 | Nông Văn Thông | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 245 | 113 | 37,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 245 | 114 | 72,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 245 | 89  | 206,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 100 | 145,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 102 | 77,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 103 | 64,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 106 | 24,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 107 | 16,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 109 | 42,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |

|    |                  |                             |                             |     |     |           |                |                |                       |  |                     |
|----|------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-----------|----------------|----------------|-----------------------|--|---------------------|
| 26 | Lý Văn Xuyên     | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 231 | 137 | 67,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 138 | 35,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 139 | 44,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 140 | 47,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 142 | 56,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 143 | 51,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 146 | 159,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 147 | 108,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 99  | 43,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 238 | 1   | 44,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 238 | 2   | 39,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 239 | 3   | 222,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
| 27 | Hoàng Văn Khuyên | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 204 | 102 | 1.428,0 đ | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 204 | 104 | 255,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 204 | 105 | 147,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 204 | 106 | 139,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 204 | 118 | 93,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
| 28 | Hoàng Văn Diện   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 204 | 116 | 396,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 204 | 126 | 116,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 204 | 128 | 87,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 204 | 129 | 108,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 204 | 130 | 110,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |

|    |                  |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |  |                     |
|----|------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
|    |                  |                             |                             | 204 | 131 | 67,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 222 | 221 | 144,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
| 29 | Ma Văn Cúc       | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 222 | 318 | 86,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
| 30 | Hoàng Văn Siu    | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 222 | 182 | 172,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 222 | 184 | 167,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 222 | 186 | 87,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 222 | 77  | 608,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 222 | 78  | 138,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 222 | 221 | 144,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
| 31 | Nông Thị Lý      | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 201 | 5   | 146,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         |  | Không có tranh chấp |
| 32 | Hoàng Văn Trường | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 183 | 120 | 691,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 35  | 77  | 272,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 35  | 78  | 191,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 35  | 80  | 268,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 240 | 242,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 243 | 380,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 272 | 29,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 273 | 211,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 280 | 75,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 197 | 103 | 194,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 197 | 109 | 498,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 197 | 117 | 77,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |

|    |                |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |  |                     |
|----|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
| 33 | Hoàng Văn Tinh | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 197 | 118 | 63,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 119 | 46,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 120 | 274,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 123 | 633,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 125 | 110,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 126 | 48,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 127 | 76,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 129 | 141,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 131 | 32,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 132 | 55,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 160 | 29,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 163 | 32,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 165 | 39,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 166 | 88,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 167 | 32,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 186 | 417,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 187 | 895,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 218 | 21,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 49  | 83,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 50  | 51,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 51  | 52,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 52  | 62,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |

|    |                |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |  |                     |
|----|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
|    |                |                             |                             | 197 | 53  | 58,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 201 | 115 | 510,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 201 | 40  | 94,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 201 | 41  | 334,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
| 34 | Nông Văn Minh  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 200 | 25  | 491,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         |  | Không có tranh chấp |
| 35 | Nông Văn Đồi   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 188 | 251 | 740,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
| 36 | Hoàng Văn Huân | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 189 | 168 | 61,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 260 | 487,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
| 37 | Nông Văn Mạnh  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 189 | 154 | 782,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 189 | 54,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 190 | 93,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 191 | 120,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 192 | 193,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 193 | 39,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 281 | 67,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 283 | 92,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 284 | 36,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 285 | 93,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nuôi trồng thủy sản     |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 312 | 78,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 313 | 163,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 314 | 209,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 189 | 315 | 38,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |

|    |                |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |          |                     |
|----|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|----------|---------------------|
|    |                |                             |                             | 189 | 316 | 73,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 229 | 482,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
| 38 | Hoàng Thị Thảo | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 188 | 27  | 82,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
| 39 | Liều Thị Diên  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 187 | 17  | 493,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1975 | Không có tranh chấp |
| 40 | Nông Văn Dũng  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 178 | 126 | 11,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 178 | 127 | 56,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 178 | 128 | 100,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 178 | 129 | 77,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 188 | 10  | 122,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 188 | 26  | 109,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 188 | 3   | 33,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 188 | 4   | 49,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 188 | 5   | 79,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 188 | 6   | 106,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 188 | 9   | 25,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 260 | 447,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 289 | 619,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 200 | 26  | 107,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 200 | 27  | 150,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 200 | 28  | 130,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 200 | 29  | 128,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 200 | 35  | 113,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |

|    |                  |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |          |                     |
|----|------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|----------|---------------------|
| 41 | Chu Văn Vân      | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 238 | 98  | 75,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
| 42 | Nông Văn Thuyền  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 187 | 139 | 526,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1980 | Không có tranh chấp |
| 43 | Hoàng Văn Thượng | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 201 | 171 | 189,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2009 | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 201 | 168 | 784,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
| 44 | Nông Văn Trán    | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 187 | 55  | 58,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 10  | 70,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 11  | 85,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 12  | 32,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 13  | 34,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 14  | 42,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 15  | 68,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 16  | 90,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 25  | 26,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 26  | 101,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 27  | 70,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 28  | 163,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 29  | 94,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 3   | 52,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 30  | 71,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 31  | 53,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 32  | 21,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 189 | 33  | 38,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |

|    |               |                             |                             |     |    |       |                |                |                             |  |                     |
|----|---------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
| 45 | Nông Văn Trán | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 189 | 34 | 72,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 35 | 30,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 36 | 51,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 37 | 44,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 38 | 70,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 39 | 109,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 4  | 48,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 40 | 185,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 42 | 144,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 43 | 58,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 44 | 81,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 46 | 67,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 47 | 43,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 48 | 53,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 49 | 49,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 5  | 124,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 50 | 29,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 51 | 32,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 52 | 87,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 53 | 103,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 6  | 76,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 63 | 70,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |

|    |               |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |          |                     |
|----|---------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|----------|---------------------|
|    |               |                             |                             | 189 | 7   | 57,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 8   | 35,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 189 | 9   | 52,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
| 46 | Nông Văn Hành | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 188 | 153 | 153,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2008 | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 188 | 148 | 174,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 188 | 149 | 86,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 188 | 150 | 342,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
| 47 | Hoàng Văn En  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 156 | 43  | 89,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 156 | 47  | 141,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 156 | 49  | 157,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 156 | 62  | 662,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
| 48 | Mỗ Thị Thên   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 187 | 111 | 312,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2002 | Không có tranh chấp |
| 49 | Nông Thị Thời | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 157 | 11  | 121,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 12  | 40,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 13  | 50,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 14  | 39,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 15  | 30,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 17  | 115,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 18  | 56,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 19  | 75,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 20  | 51,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |               |                             |                             | 157 | 21  | 77,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |

|    |                |                             |                             |     |     |       |                |                |                             |          |                     |
|----|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|----------|---------------------|
|    |                |                             |                             | 157 | 23  | 97,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
| 50 | Hoàng Văn Tiến | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 197 | 100 | 473,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2007 | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 214 | 24,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 197 | 215 | 28,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
| 51 | Nông Văn Luân  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 196 | 225 | 454,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 256 | 255,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
| 52 | Nông Thị Hạnh  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 196 | 271 | 99,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
| 53 | Nông Thị Duyên | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 187 | 233 | 218,0 | Trước năm 1980 | Nhận tặng cho  | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2006 | Không có tranh chấp |
| 54 | Nông Thị Hằng  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 201 | 105 | 411,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2009 | Không có tranh chấp |
| 55 | Nông Văn Đài   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 188 | 204 | 579,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 104 | 50,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 155 | 336,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 156 | 51,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 158 | 955,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 174 | 289,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 176 | 455,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 212 | 107,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 221 | 90,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 255 | 278,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 277 | 719,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 286 | 41,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 196 | 287 | 12,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |

|    |                  |                             |                             |     |     |           |                |                |                             |          |                     |
|----|------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-----------|----------------|----------------|-----------------------------|----------|---------------------|
|    |                  |                             |                             | 196 | 321 | 433,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
| 56 | Hoàng Văn Xin    | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 198 | 248 | 1.284,0 đ | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1994 | Không có tranh chấp |
| 57 | Nông Cương Quyết | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 201 | 317 | 1.228,0 đ | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 206 | 168 | 85,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 206 | 169 | 57,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 206 | 170 | 57,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 206 | 198 | 48,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 206 | 199 | 46,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 206 | 201 | 153,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 224 | 6   | 17,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 224 | 79  | 21,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |
| 57 | Vy Văn Dinh      | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 175 | 24  | 59,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1980 | Không có tranh chấp |
| 58 | Hoàng Văn Tự     | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 188 | 100 | 331,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1980 | Không có tranh chấp |
| 59 | Hoàng Văn Ngác   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 157 | 37  | 209,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1980 | Không có tranh chấp |
| 60 | Nông Văn Thành   | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 196 | 31  | 423,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1990 | Không có tranh chấp |
| 61 | Nông Văn Thoàng  | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 232 | 1   | 768,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1990 | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 83  | 346,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2005 | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 148 | 143,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 38  | 43,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 39  | 123,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 49  | 38,0      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |
|    |                  |                             |                             | 231 | 50  | 118,0     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |

|    |                |                             |                             |     |    |       |                |                |                             |  |                     |
|----|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|
| 62 | Triệu Văn Mạnh | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 231 | 52 | 63,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 53 | 76,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 54 | 165,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 55 | 224,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 56 | 234,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 57 | 198,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 63 | 45,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 64 | 48,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 65 | 117,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 66 | 124,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 67 | 120,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 68 | 171,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 69 | 16,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 76 | 42,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 77 | 43,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 78 | 54,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 79 | 57,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 80 | 138,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 81 | 224,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 231 | 82 | 117,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 185 | 64 | 121,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |
|    |                |                             |                             | 185 | 65 | 10,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |

|    |              |                             |                             |     |     |       |                |                |                                  |  |                     |
|----|--------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|----------------------------------|--|---------------------|
| 63 | Nông Văn Sài | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 185 | 67  | 24,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 185 | 68  | 29,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 185 | 69  | 31,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 27  | 130,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 29  | 101,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 30  | 137,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 39  | 140,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 45  | 146,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 46  | 129,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 48  | 154,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 49  | 118,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 51  | 139,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác      |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 53  | 75,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác      |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 54  | 41,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nuôi trồng thủy sản          |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 56  | 56,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác      |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 59  | 41,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 60  | 63,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại            |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 61  | 53,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất bằng trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 186 | 63  | 128,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất bằng trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 187 | 119 | 18,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất bằng trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 187 | 124 | 54,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất bằng trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |
|    |              |                             |                             | 187 | 188 | 330,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa             |  | Không có tranh chấp |

|    |             |                             |                             |     |     |       |                |                |                       |  |                     |
|----|-------------|-----------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------|--|---------------------|
|    |             |                             |                             | 187 | 211 | 984,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 187 | 212 | 183,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 187 | 215 | 145,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 188 | 19  | 113,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 188 | 240 | 322,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 188 | 29  | 78,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 188 | 30  | 38,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 188 | 33  | 45,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 188 | 34  | 63,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|    |             |                             |                             | 188 | 35  | 33,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
| 64 | Chu Văn Lon | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | Thôn Văn Can, xã Hồng Phong | 222 | 313 | 51,0  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |

Sự phù  
hợp với  
quy hoạch

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]